



MARKET LENS

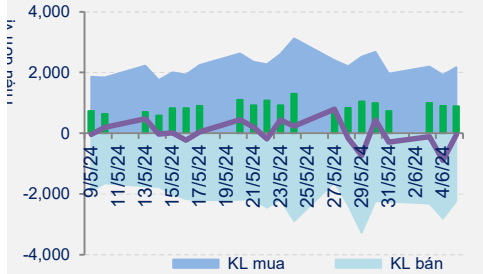
Phiên giao dịch ngày:

5/6/2024

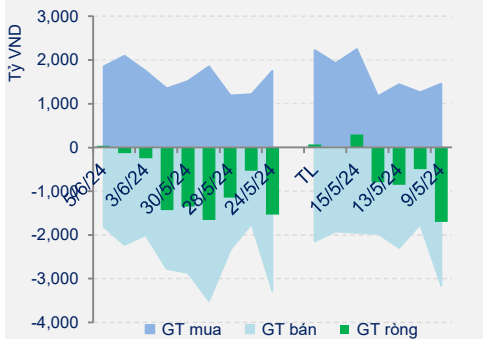
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,284.35	244.49
% Thay đổi	↑ 0.06%	↑ 0.07%
KLGD (CP)	884,351,412	92,536,808
GTGD (tỷ đồng)	24,057.62	1,887.07
Tổng cung (CP)	2,231,077,394	158,630,400
Tổng cầu (CP)	2,182,814,341	130,672,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,220,128	1,770,873
KL mua (CP)	52,629,768	1,223,080
GT mua (tỷ đồng)	1,850.73	32.76
GT bán (tỷ đồng)	1,811.58	44.96
GT ròng (tỷ đồng)	39.15	(12.20)

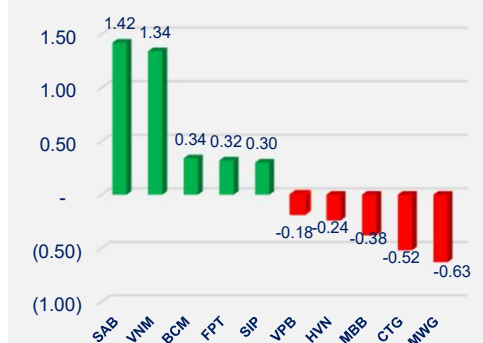
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tiếp nối đà tăng của phiên hôm qua, VN-Index mở cửa trong sắc xanh phiên hôm nay khi tiếp tục tăng 7 điểm và đóng phiên sáng tại 1.291,93 điểm, HNX-Index đóng phiên sáng tại 245,25 điểm.

Phiên chiều giao dịch kịch bản lặp lại như phiên hôm qua, vẫn xuất hiện lực chốt lời từ 14h00 khiến cho VN-Index đóng cửa chỉ còn tăng 0.83 điểm (0,06%), tại 1.284,35 điểm, HNX đóng cửa tại 244,49 điểm (0,17 điểm, tương ứng 0,07%). Về độ rộng thị trường, toàn sàn HOSE vận động với 144 mã tăng giá, 60 mã tham chiếu và 173 mã giảm giá. HNX giao dịch với 98 mã tăng giá, 62 mã tham chiếu và 75 mã giảm giá. Thanh khoản trên cả 2 sàn cải thiện hơn so với phiên giao dịch hôm qua khi giá trị giao dịch (không bao gồm thỏa thuận) tăng nhẹ 1,53% tại HOSE và 11,7% tại HNX. Điểm đặc biệt là khối ngoại phiên hôm nay đã quay lại mua ròng với giá trị 39,56 tỷ đồng tại HOSE điển hình là các mã MSN (138,46 tỷ), VNM (121,36 tỷ), DGC (38,45 tỷ), và SAB (18,44 tỷ). Trong khi đó, khối này vẫn bán ròng trên sàn HNX với -11,69 tỷ đồng, cụ thể như TNG (-7,84 tỷ), IDC (-5,28 tỷ)...mua ròng nhiều nhất mã MBS (14,35 tỷ).

Hôm nay sự kiện nổi bật là thời báo Financial Times (FT) đã nhắc đến Việt Nam, trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và các nước phương Tây ngày càng gia tăng, như là điểm đến ngày càng được ưa chuộng với các doanh nghiệp Trung Quốc để đầu tư bên cạnh Mexico. Thực tế các doanh nghiệp Trung Quốc đã lên kế hoạch đầu tư ít nhất 39 dự án sản xuất và logistics ở Việt Nam và 41 dự án tại Mexico.

Quay trở lại với VN-Index, động lực chính trong phiên hôm nay là nhóm Thực Phẩm khi đóng góp 3,16 điểm cho VN-Index với cổ phiếu SAB tăng kịch trần (+6,8%), VNM (+3,8%), MSN (+0,8%). Sự kỳ vọng vào SAB và BHN (+6,92%) có lẽ đến từ kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận cải thiện trong quý 3 khi bước vào mùa Hè và một số sự kiện thể thao lớn diễn ra như cúp bóng đá Euro và thể vận hội Olympic.

Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu Bảo Hiểm có diễn biến nổi bật trong phiên hôm nay với đầu tàu BVH (+3,1%), đóng góp 0.264 điểm cho VN-Index cùng với MIG (+6.6%), ABI (+2.7%), PRE (+2.7%). Ngoài ra một số cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc nhóm Vingroup như VRE (+1.8%), VIC (+0.2%) cũng đóng góp tích cực vào điểm số với 0.397 điểm.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến kém tích cực trong phiên hôm nay khi ngoại trừ VCB (+0,11%), SSB (+0,46%), BID (+0,11%), hầu hết đều giảm điểm hoặc giữ giá tham chiếu trong đó một số mã giảm khá như CTG (-1,2%), MBB (-1,3%), STB (-1,2%)...

Các cổ phiếu trong ngành Công nghệ thông tin & Viễn thông sau một số phiên tăng mạnh cũng gặp phải áp lực chốt lời khiến đà tăng thu hẹp như FPT (0,72%), CMG (-1,9%), FOX (+6,3%), FOC (+6,08%), ngoại trừ SGT (3,18%) và ITD (+6,92%) có phiên tăng trần thứ 3 liên tiếp. Ngành Dịch vụ tài chính chứng kiến sự phân hóa khi các mã tăng như FTS (+2,39%), CTS (+2,05%), BVS (+1,53%), MBS (+0,9%) trong khi nhóm giảm có VCI (-0,71%), HCM (-0,34%). Ngành Bất động sản dân cư và Khu Công Nghiệp hầu hết đều giảm điểm ngoại trừ cổ phiếu BCM (+2,1%) tăng khá mạnh cùng câu chuyện thoái vốn. Các cổ phiếu nhóm ngành Bán lẻ cũng giảm điểm, cụ thể là MWG (-2,8%) với thông tin đăng ký bán 2 triệu cổ phiếu từ chủ tịch Nguyễn Đức Tài, bên cạnh các cổ phiếu khác như DGW (-1,24%), PNJ (-0,42%), FRT (-1,29%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 đóng phiên tại mức tham chiếu, chênh lệch -4,66 điểm so với VN30 – tương đương phiên hôm qua. Hợp đồng vị thế Long tăng nhẹ so với phiên trước với 12.088 hợp đồng, vị thế Short giảm với 13.064 hợp đồng. Tổng hợp đồng giao dịch giảm 1,11% so với phiên trước và nhìn chung ở dưới mức trung bình 20 phiên gần đây. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 vẫn đang dao động trong vùng 1.280 điểm – 1.320 điểm. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2407 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -3,16 điểm đến -4,66 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là 56.585 hợp đồng, gần như không đổi so với phiên trước đó (56.589 hợp đồng) cho thấy xu hướng giữ nguyên các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Trong 02 phiên liên tiếp, VN-INDEX đều tăng điểm tới vùng giá cao hướng đến kháng cự mạnh quanh 1.295 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất tháng 03/2024, cũng như giá cao nhất tháng 08/2023. Trong khi đó VN30 tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự đỉnh tháng 3/2024 với mức độ phân hóa khá tích cực. Kết phiên VN-INDEX chỉ tăng nhẹ 0,83 điểm (+0,06%) lên mức 1.284,35 điểm và vẫn ở trong vùng giá 1.285 điểm, VN30 cũng đang vùng giá cao nhất tháng 03/2024 quanh 1.307 điểm.

VN-INDEX trong ngắn hạn tiếp tục biến động hẹp trong vùng giá 1.285 điểm. Đây là vùng kháng cự mạnh mà chỉ số đã nhiều lần kiểm định trong tháng 5 nhưng chưa thể vượt qua. Mặc dù áp lực bán tại đây vẫn duy trì ở mức cao trong 2 phiên gần đây nhưng vẫn có kỳ vọng VN-INDEX có thể vượt qua để hướng tới vùng giá 1.300 điểm, VN30 có thể vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024 quanh vùng 1.307 điểm. Trong kịch bản không thể bứt phá lên trên vùng kháng cự, xu hướng ngắn hạn của chỉ số sẽ là tiếp tục dao động trong vùng 1.250 điểm – 1.300 điểm.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX duy trì tích lũy trong kênh rộng 1.180 -1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 -1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Nhà đầu tư ngắn hạn đang có tỷ trọng thấp có thể xem xét mua khi VN-Index rung lắc với kỳ vọng chỉ số vượt được kháng cự mạnh 1.300 điểm. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và vẫn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có có kết quả kinh doanh triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 5/6/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	38	33-34	40-42	32	16.4	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.25	19-20	26-28	18	9.0	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	22.55	18-18.6	25-26	17	13.5	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.40	32	38-39	34	10.6%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	38.85	32.2	40-41	36.5	20.7%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.90	14.2	18-18.5	17	26.1%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	42.90	36.8	46-47	41	16.6%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.60	28.75	35-36	31	9.9%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	140.10	114.2	145-150	135	22.7%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Dầu nổi dài đà giảm sau khi OPEC+ công bố kế hoạch sản lượng

Hợp đồng dầu WTI và dầu Brent đều ghi nhận chạm mức thấp nhất trong 4 tháng vào đầu phiên. Dầu WTI đã giảm 5 phiên liên tiếp, sụt 3.6% vào ngày 03/06 sau cuộc họp của OPEC+ vào cuối tuần trước.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 04/06, hợp đồng dầu WTI lùi 97 xu (tương đương 1.31%) xuống 73.25 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent mất 84 xu (tương đương 1.07%) còn 77.52 USD/thùng.

Tồn kho bất động sản tiếp tục tăng cao

Tổng giá trị hàng tồn kho của các doanh nghiệp bất động sản trên sàn cuối quý 1/2024 là hơn 490 ngàn tỷ đồng, tăng 4% so với đầu năm. Trong đó, 15 doanh nghiệp có tồn kho chiếm trên 50% tổng tài sản, với phần lớn là doanh nghiệp bất động sản nhà ở.

Dẫn số liệu báo cáo của 53/63 địa phương, Bộ Xây dựng cho biết, lượng tồn kho bất động sản tại các dự án trong quý 1/2024 vào khoảng 23,029 căn (bao gồm chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền). Trong đó, chung cư có 3,706 căn; nhà ở riêng lẻ 8,468 căn và đất nền là 10,855 nền. Theo đó, có thể thấy tỷ trọng tồn kho chủ yếu ở phân khúc bất động sản nhà ở riêng lẻ và đất nền của các dự án.

Agribank đã bán hết vàng miếng sau hai ngày, nghỉ bán sáng nay (5/6) để nhập thêm

Agribank vừa có thông báo cho biết, sau hai ngày (3/6 - 4/6) triển khai bán vàng miếng SJC trực tiếp tới khách hàng, ngân hàng đã bán hết toàn bộ số lượng vàng đã mua trực tiếp từ NHNN.

Theo đó, Agribank cho biết từ 13h30 ngày 5/6, sau khi hoàn tất các thủ tục mua, giao nhận vàng miếng SJC từ NHNN và vận chuyển về kho của ngân hàng, Agribank sẽ tiếp tục phục vụ khách hàng đến mua vàng.

Giá tiêu tiếp tục tăng mạnh vì nguồn cung hạn chế

Ngày 28/5, giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa tăng từ 21.000 – 22.500 đồng/ kg (tùy từng khu vực khảo sát) so với ngày 29/4, lên mức 119.000 – 120.000 đồng/kg. Giá hạt tiêu trắng ở mức 140.000 đồng/kg, tăng 18.000 đồng/kg so với cuối tháng 4 và cao hơn nhiều so với mức 108.000 đồng/kg cùng kỳ năm 2023.

Hiệp hội Hồ tiêu - Cây gia vị Việt Nam dự báo sản lượng năm nay dự kiến giảm 10% xuống khoảng 170.000 tấn so với năm ngoái, mức thấp nhất trong vòng 5 năm gần đây.

TIN DOANH NGHIỆP

Thị giá MWG lên cao, Chủ tịch Nguyễn Đức Tài muốn bán 2 triệu cổ phiếu

Vì nhu cầu tài chính cá nhân, Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thế giới Di động (HOSE: MWG) Nguyễn Đức Tài đăng ký bán 2 triệu cp MWG trong thời gian từ 07/06-05/07. Đây là lần đầu ông Tài quay lại bán cổ phiếu “con cưng”, kể từ lần gần nhất diễn ra vào tháng 12/2021, giữa lúc giá MWG hồi phục mạnh mẽ. Lần gần nhất ông Tài bán cổ phiếu “con cưng” diễn ra từ tháng 12/2021, khi đó ông bán 1 triệu cp. Từ đó đến nay, ông có 3 lần đăng ký mua vào, nhưng chỉ duy nhất đợt tháng 11/2022 là mua trọn vẹn 1 triệu cp đăng ký, còn lại đều không hoàn thành, lần lượt mua được 110 ngàn cp (đăng ký 1 triệu cp) và 200 ngàn cp (đăng ký 500 ngàn cp) trong những tháng chuyển giao giữa năm 2023 và 2024.

Chủ tịch Phát Đạt và bên liên quan chi hàng trăm tỷ mua phát hành

Ông Nguyễn Văn Đạt và Phát Đạt Holdings đã chi gần 638 tỷ đồng mua cổ phiếu PDR trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu. Trong đó, ông Nguyễn Văn Đạt, Chủ tịch Hội đồng quản trị Phát Đạt báo cáo đã mua đủ 51,5 triệu cp như đăng ký trước đó, tương đương giá trị 515 tỷ đồng. Đơn vị liên quan đến lãnh đạo là Công ty TNHH Phát Đạt Holdings cũng gom vào 12,3 triệu cp, tương đương giá trị 123 tỷ đồng. Thời gian giao dịch từ 21/5 đến 3/6. Như vậy, ông Đạt và Phát Đạt Holdings đã chi tổng cộng gần 638 tỷ đồng. Sau giao dịch, ông Đạt sở hữu gần 335 triệu cp (38,34% vốn); Phát Đạt Holdings sở hữu 79,9 triệu cp (9,15% vốn). Các tỷ lệ này bằng với trước giao dịch.

Trước thềm lên UPCoM, công ty mẹ BCG Energy muốn bán bớt cổ phần

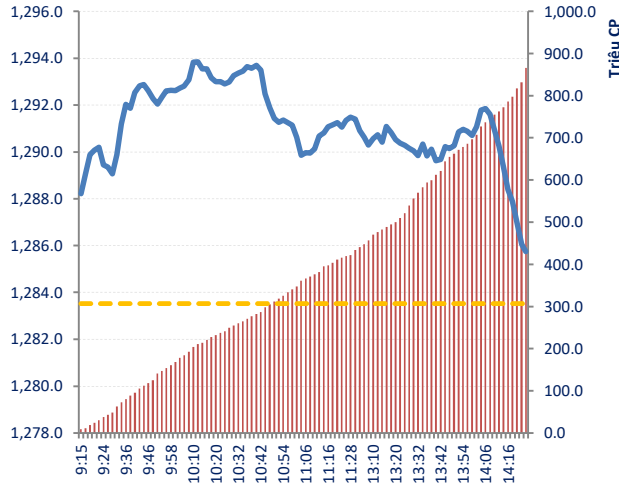
Trước thềm giao dịch trên thị trường UPCoM, công ty mẹ của BCG Energy muốn bán ra 26,5 triệu cổ phần và ngược lại nhận ủy quyền 38,5 triệu cổ phần từ một số cổ đông khác. Mục đích bán cổ phần là nhằm thu hồi vốn tập trung cho hoạt động cốt lõi. Giá chuyển nhượng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng thu về tối thiểu 265 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong quý II.

Cổ phiếu DRI gấp đôi từ đầu năm, Cao su Đắc Lắc muốn thoái hơn 30% vốn công ty con

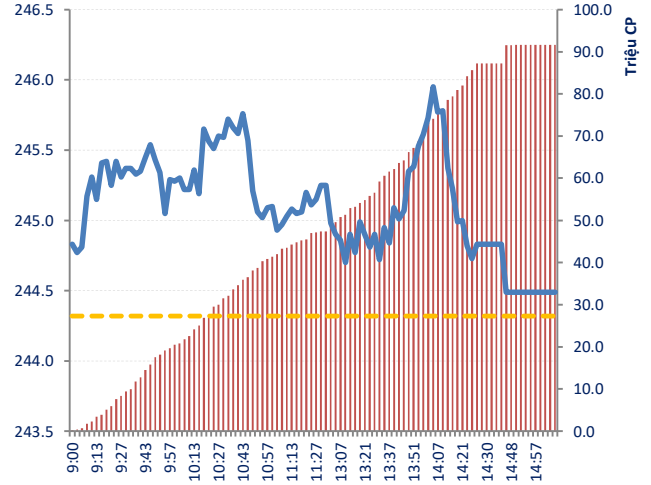
Cao su Đắc Lắc dự kiến bán 22,4 triệu cp DRI, hạ sở hữu xuống 36% vốn, thực hiện theo chủ trương thoái vốn tại công ty con này. DRG cho biết điều này thực hiện theo chủ trương thoái vốn tại DRI. Trước đó vào ngày 27/5, hội đồng quản trị DRG đã phê duyệt giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn tại DRI là 14.100 đồng/cp, tức tổng giá trị thoái vốn tối thiểu 316 tỷ đồng.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

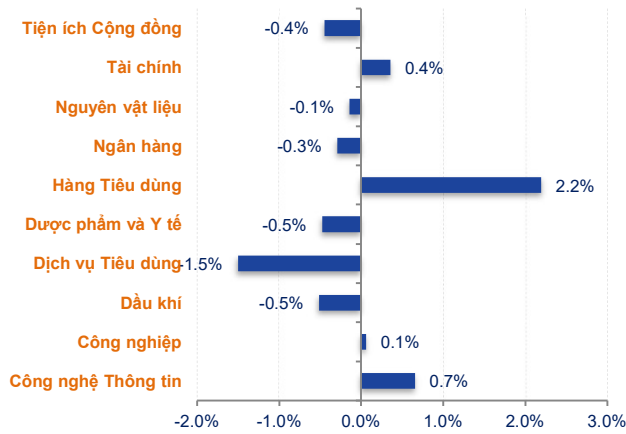
KLGD và VN-Index trong phiên



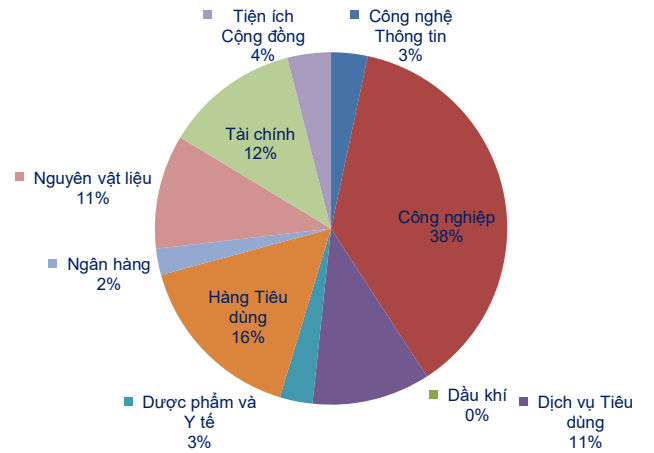
KLGD và HNX-Index trong phiên



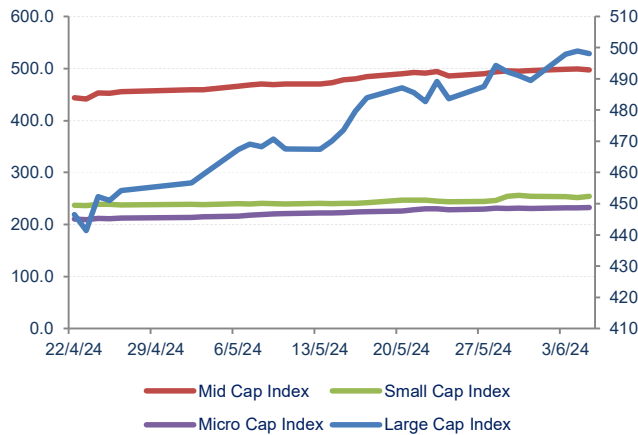
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



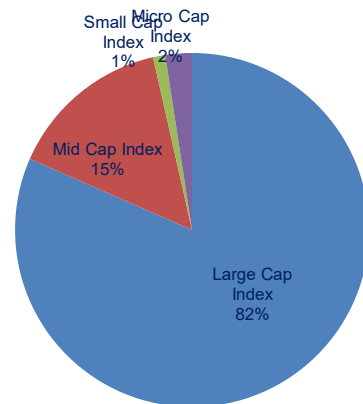
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BCG	1,912,490	KDH	2,232,879
2	VNM	1,781,850	MWG	2,209,174
3	MSN	1,761,330	VHM	1,867,180
4	FUEVFNND	1,540,900	VPB	1,334,700
5	HSG	1,038,930	VRE	1,249,032

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBS	423,510	TNG	298,640
2	GKM	105,300	TIG	256,400
3	MST	87,700	NBC	151,600
4	TVC	72,100	HUT	117,600
5	API	18,500	IDJ	106,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LPB	25.80	25.75	↓ -0.19%	41,531,921
MSB	14.75	14.70	↓ -0.34%	35,995,600
BCG	9.50	9.91	↑ 4.32%	29,821,600
POW	14.00	13.75	↓ -1.79%	26,182,000
SHB	11.55	11.55	⇒ 0.00%	21,915,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.60	18.50	↓ -0.54%	11,719,462
IDJ	7.40	8.10	↑ 9.46%	6,535,045
CEO	19.10	18.90	↓ -1.05%	5,311,130
MBS	33.50	33.80	↑ 0.90%	4,649,430
PVS	44.20	43.50	↓ -1.58%	4,265,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	9.29	9.94	0.65	↑ 7.00%
HVH	7.45	7.97	0.52	↑ 6.98%
ITD	14.45	15.45	1.00	↑ 6.92%
BHN	38.30	40.95	2.65	↑ 6.92%
TVS	21.70	23.20	1.50	↑ 6.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HKT	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
GLT	23.50	25.80	2.30	↑ 9.79%
NTP	55.30	60.70	5.40	↑ 9.76%
NAP	9.30	10.20	0.90	↑ 9.68%
API	8.40	9.20	0.80	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMG	8.30	7.75	-0.55	↓ -6.63%
MDG	11.90	11.15	-0.75	↓ -6.30%
TYA	11.45	10.75	-0.70	↓ -6.11%
TNC	48.05	45.35	-2.70	↓ -5.62%
APH	10.65	10.20	-0.45	↓ -4.23%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
LBE	26.50	23.90	-2.60	↓ -9.81%
VE3	9.50	8.60	-0.90	↓ -9.47%
VC9	4.90	4.60	-0.30	↓ -6.12%
VE1	3.30	3.10	-0.20	↓ -6.06%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	41,531,921	21.6%	2,914	8.8	1.8
MSB	35,995,600	14.9%	2,310	6.4	0.9
BCG	29,821,600	0.5%	137	72.4	0.4
POW	26,182,000	2.4%	350	39.3	1.0
SHB	21,915,000	15.6%	2,150	5.4	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	11,719,462	5.7%	688	26.9	1.4
IDJ	6,535,045	5.0%	584	13.9	0.7
CEO	5,311,130	2.8%	365	51.8	1.5
MBS	4,649,430	13.0%	1,475	22.9	2.8
PVS	4,265,100	7.1%	1,992	21.8	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ST8	↑ 7.0%	1.4%	144	68.9	0.9
HVH	↑ 7.0%	3.9%	468	17.0	0.7
ITD	↑ 6.9%	-15.3%	(2,417)	-	1.1
BHN	↑ 6.9%	5.9%	1,375	29.8	1.8
TVS	↑ 6.9%	15.2%	1,917	12.1	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HKT	↑ 10.0%	1.6%	185	35.7	0.6
GLT	↑ 9.8%	3.1%	547	47.1	1.6
NTP	↑ 9.8%	17.6%	4,245	14.3	2.4
NAP	↑ 9.7%	9.6%	1,083	9.4	0.9
API	↑ 9.5%	-6.9%	(772)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BCG	1,912,490	0.5%	137	72.4	0.4
VNM	1,781,850	26.0%	4,410	15.5	4.0
MSN	1,761,330	0.8%	214	364.5	2.5
FUEFVND	1,540,900	N/A	N/A	N/A	N/A
HSG	1,038,930	8.1%	1,423	16.3	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	423,510	13.0%	1,475	22.9	2.8
GKM	105,300	17.5%	1,999	18.0	3.4
MST	87,700	9.7%	1,112	5.3	0.5
TVC	72,100	17.1%	2,612	4.0	0.6
API	18,500	-6.9%	(772)	-	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	496,311	20.0%	5,838	15.2	2.9
BID	271,626	18.1%	3,841	12.4	2.1
HPG	187,090	9.2%	1,455	20.1	1.8
GAS	185,117	16.4%	4,688	17.2	2.7
FPT	177,923	22.8%	5,338	26.2	5.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,792	7.1%	1,992	21.8	1.5
IDC	20,592	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	16,779	0.7%	97	193.3	1.5
SHS	15,043	5.7%	688	26.9	1.4
MBS	14,792	13.0%	1,475	22.9	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ST8	2.99	1.4%	144	68.9	0.9
AGM	2.59	-163.0%	(11,336)	-	12.7
NHA	2.41	4.0%	406	76.8	3.0
FIR	2.30	1.9%	223	35.9	0.7
KSB	2.29	3.6%	1,008	23.1	1.0

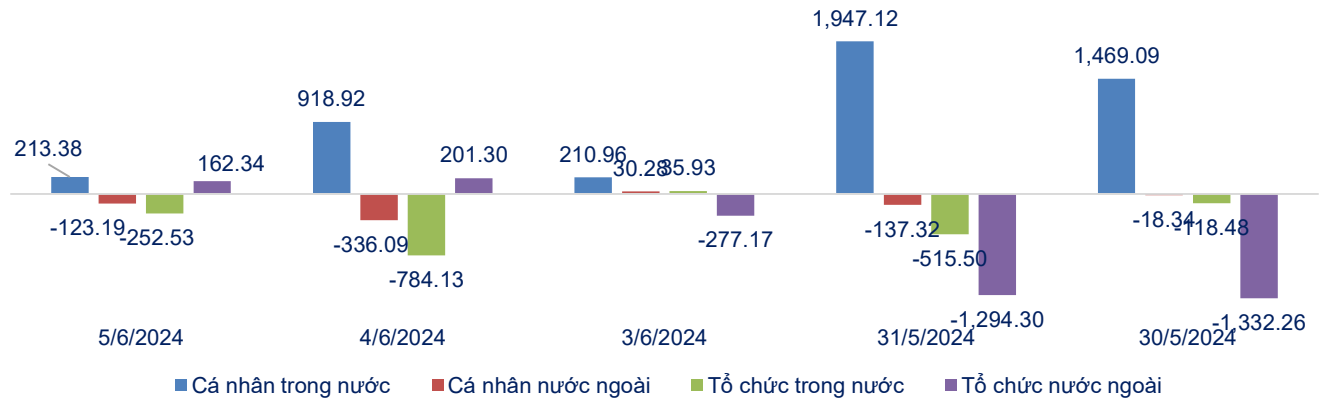
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.42	9.2%	1,214	37.0	3.5
API	3.34	-6.9%	(772)	-	0.8
IDJ	3.21	5.0%	584	13.9	0.7
TKG	3.10	2.9%	294	15.3	0.4
MCO	2.92	0.8%	97	222.8	1.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	261.60	14.9%	2,310	6.4	0.9
FPT	155.72	22.8%	5,338	26.2	5.6
SSI	132.08	11.1%	1,702	20.8	2.2
TCB	100.95	15.2%	5,606	8.5	1.2
HPG	96.61	9.2%	1,455	20.1	1.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-204.45	0.8%	214	364.5	2.5
VNM	-141.91	26.0%	4,410	15.5	4.0
CTG	-94.43	16.2%	3,751	8.6	1.3
VPB	-84.71	8.9%	1,525	11.9	1.0
MWG	-77.24	4.4%	717	86.5	3.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	5.65	22.8%	5,338	26.2	5.6
PC1	3.80	2.8%	651	44.7	1.2
GEX	1.96	2.5%	625	37.8	0.9
KBC	1.72	4.9%	1,274	24.8	1.2
SKG	1.13	8.1%	1,101	14.2	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-100.10	14.9%	2,310	6.4	0.9
MWG	-6.35	4.4%	717	86.5	3.5
MSN	-5.99	0.8%	214	364.5	2.5
STB	-5.21	17.7%	4,206	7.0	1.2
VIX	-3.75	12.8%	1,670	10.9	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	214.93	4.4%	717	86.5	3.5
VPB	109.00	8.9%	1,525	11.9	1.0
CTG	81.26	16.2%	3,751	8.6	1.3
MSN	65.83	0.8%	214	364.5	2.5
KBC	46.34	4.9%	1,274	24.8	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-262.13	14.9%	2,310	6.4	0.9
SSI	-140.50	11.1%	1,702	20.8	2.2
HPG	-114.80	9.2%	1,455	20.1	1.8
TCB	-99.26	15.2%	5,606	8.5	1.2
FPT	-94.77	22.8%	5,338	26.2	5.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

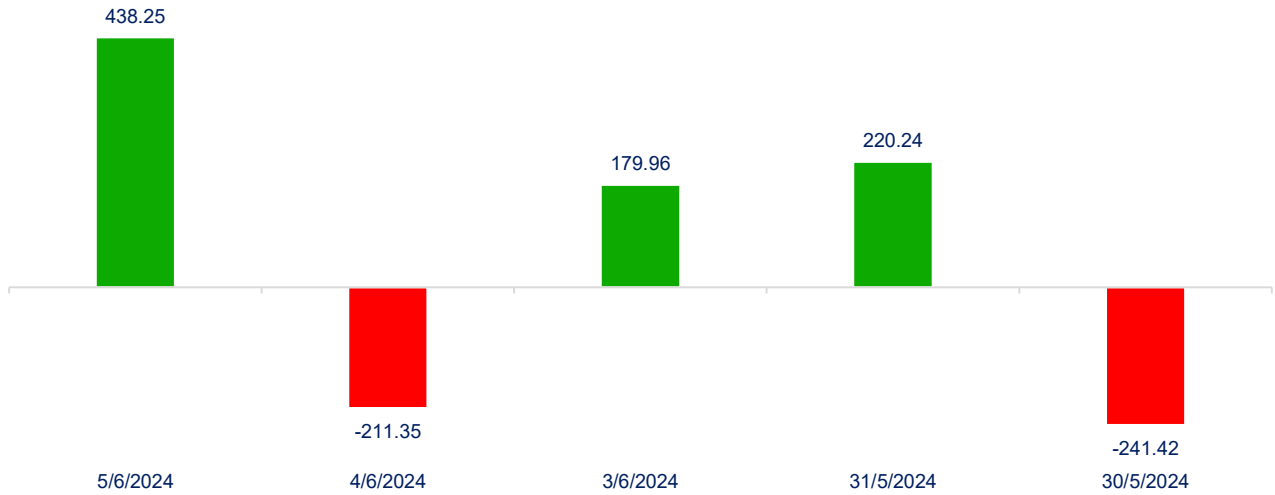
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	144.61	0.8%	214	364.5	2.5
VNM	120.24	26.0%	4,410	15.5	4.0
MSB	100.63	14.9%	2,310	6.4	0.9
FUEVFVND	49.91	N/A	N/A	N/A	N/A
DGC	39.15	24.6%	7,884	15.6	3.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

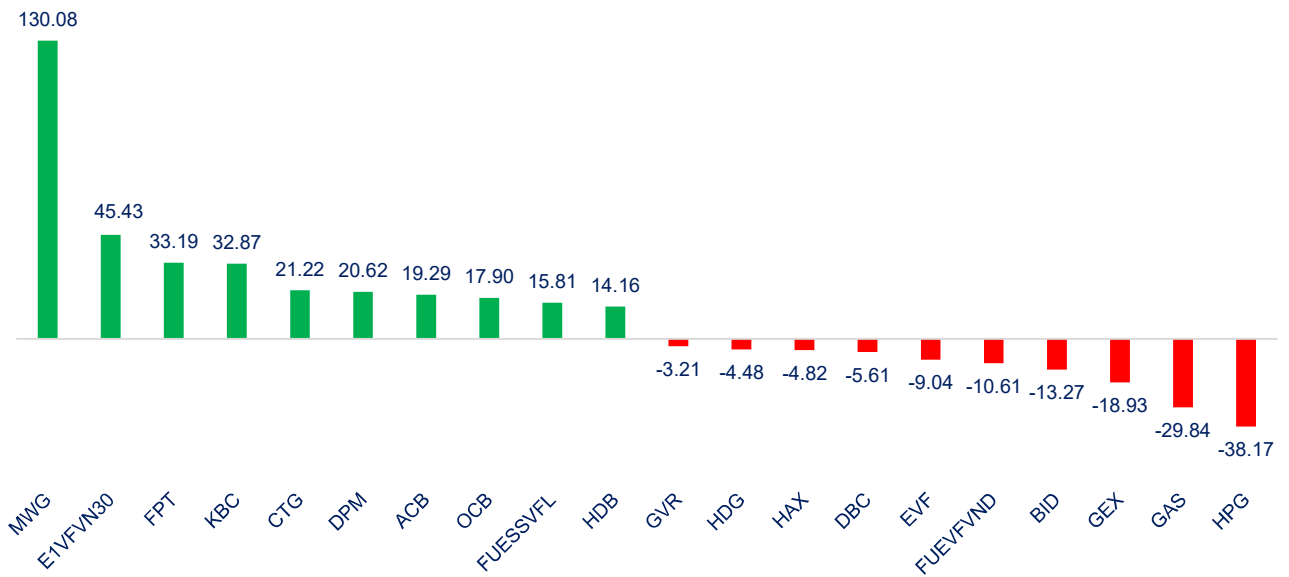
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-131.34	4.4%	717	86.5	3.5
KDH	-83.39	3.9%	731	50.7	1.9
VHM	-74.15	12.1%	5,074	7.7	0.9
FPT	-66.60	22.8%	5,338	26.2	5.6
NLG	-38.16	3.0%	1,041	42.1	1.3



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn